ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14846 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 19 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh sách ấp, khu phố vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Thực hiện Công văn số 1635/BDTTG-VPQGDTMN ngày 12/6/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc rà soát, xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn sau sắp xếp theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 1712/TTr-SDTTG ngày 03/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách ấp, khu phố vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2026 – 2030, gồm 17 ấp, khu phố *(Phụ lục kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và điều chỉnh Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 2634/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh sách ấp, khu phố vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2026 – 2030.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo (b/c);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban TG và DV Tỉnh ủy;
- CVP, các PCVP. UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Phòng: Nội chính, KTTC;
- Lưu: VT. VP UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Tấn Hòa

UBND TỈNH TÂY NINH

Mẫu số 06

PHỤ LỤC
DANH SÁCH ẤP, KHU PHỐ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI, ẤP, KHU PHỐ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

(Kèm theo Quyết định số 14846/QĐ-UBND ngày 14/8/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh)

TT	Tên xã, phường	Tên ấp, khu phố	Ấp, khu phố thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
	Tổng cộng		**17**	**0**	**0**
I		**10**	**1**	**0**	**0**
1		Khu phố Thạnh Đông	x		
2		Khu phố Thạnh Hiệp			
3		Khu phố Tân Phước			
4		Khu phố Ninh Trung			
5	**Bình Minh**	Khu phố Ninh Lộc			
6		Khu phố Ninh Thọ			
7		Khu phố Ninh Phú			
8		Khu phố Tân Hòa			
9		Khu phố Giồng Cà			
10		Khu phố Bình Trung			
II		**7**	**1**	**0**	**0**
1		Ấp Hiệp Phước	x		
2		Ấp Bố Lớn			
3	**Hòa Hội**	Ấp Bưng Rò			
4		Ấp Hòa Hợp			
5		Ấp Hiệp Thành			
6		Ấp Tân Định			
7		Ấp Bến Cầu			
III		**6**	**1**	**0**	**0**
1		Ấp Bến Sỏi			
2		Ấp Thành Long			
3	**Ninh Điền**	Ấp Phước Tân			
4		Ấp Gò Nổi			
5		Ấp Bến Cừ	x		
6		Ấp Trà Sim			
IV		**10**	**1**	**0**	**0**
1		Ấp Phước Hưng			
2		Ấp Phước Lập			
3		Ấp Phước Hòa			
4		Ấp Phước Trung			
5	**Phước Vinh**	Ấp Phước Lộc			
6		Ấp Phước Lợi			
7		Ấp Hòa Đông A	x		
8		Ấp Hòa Đông B			
9		Ấp Hòa Lợi			
10		Ấp Hòa Bình			
V		**7**	**3**	**0**	**0**
1	**Tân Đông**	Ấp Kà Ốt	x		
2		Ấp Tầm Phô	x		
3		Ấp Suối Dầm	x		

TT	Tên xã, phường	Tên ấp, khu phố	Ấp, khu phố thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
4		Ấp Đông Hà			
5		Ấp Đông Biên			
6		Ấp Tân Dũng			
7		Ấp Tân Kiên			
VI		**12**	**1**	**0**	**0**
1		Ấp Tân Thuận			
2		Ấp Cây Khế			
3		Ấp Trảng Trai			
4		Ấp Suối Bà Chiêm			
5		Ấp Cây Cầy			
6	**Tân Hòa**	Ấp Con Trăn	x		
7		Ấp Trảng Ba Chân			
8		Ấp 1			
9		Ấp 2			
10		Ấp 3			
11		Ấp 4			
12		Ấp 5			
VII		**6**	**1**	**0**	**0**
1		Ấp Hội An			
2		Ấp Hội Tân			
3	**Tân Hội**	Ấp Hội Thanh	x		
4		Ấp Hội Thạnh			
5		Ấp Hội Thắng			
6		Ấp Tân Bình			
VIII		**7**	**1**	**0**	**0**
1		Ấp Tân Hòa			
2		Ấp Tân Đông 1			
3	**Tân Lập**	Ấp Tân Đông 2			
4		Ấp Tân Tiến			
5		Ấp Tân Khai	x		
6		Ấp Bàu Bền			
7		Ấp Bàu Rã			
IX		**11**	**3**	**0**	**0**
1		Ấp Tân Hòa			
2		Ấp Tân Tây			
3		Ấp Tân Lợi A			
4		Ấp Tân Lợi B			
5	**Tân Phú**	Ấp Tân Tiến			
6		Ấp Tân Thạnh			
7		Ấp Tân Đông			
8		Ấp Tân Châu	x		
9		Ấp Tân Trung A	x		
10		Ấp Tân Trung B	x		
11		Ấp Tân Xuân			
X		**10**	**2**	**0**	**0**
1		Ấp Tân Đông	x		
2		Ấp Chăm	x		
3	**Tân Thành**	Ấp Tân Thuận			
4		Ấp Tân Hòa			
5		Ấp Tân Bình			
6		Ấp Tân Tây			
7		Ấp Đồng Rùm			

TT	Tên xã, phường	Tên ấp, khu phố	Ấp, khu phố thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
8		Ấp Tân An			
9		Ấp Tân Phú			
10		Ấp Tân Quý			
XI		**10**	**2**	**0**	**0**
1		Ấp Xóm Tháp	x		
2		Ấp Thạnh Thọ	x		
3		Ấp Cầu			
4		Ấp Sân Bay			
5	**Thạnh Bình**	Ấp Gò Cát			
6		Ấp Đồng Dài			
7		Ấp Thạnh An			
8		Ấp Thạnh Lợi			
9		Ấp Thạnh Phước			
10		Ấp Thạnh Hòa			